

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22-3-2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Gái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Tấn Thành.
2. Bà Thi Thị Ngọc Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 22 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 125/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị Tuyết H - Sinh năm 1998 - Địa chỉ: 41/5 khu vực A, phường B, quận C, Thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hợp D - Sinh năm 1987 - Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện Q, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05-5-2021, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Dương Thị Tuyết H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hợp D xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn ngày 01-9-2020 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Quý Tây, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, nên thường xuyên cãi vã. Bà và ông D ly thân từ tháng 5-2021 cho đến nay.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hợp D.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phúc T, sinh ngày 15-02-2020, hiện con chung đang sống với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 745.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông D vắng mặt tại phiên tòa không có lý do lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Dương Thị Tuyết H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Hợp D, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Ông D được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng ông không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của ông, không có mặt để tham gia phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Bà Dương Thị Tuyết H và ông Nguyễn Hợp D chung sống có đăng ký kết hôn ngày 01-9-2020 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Quý Tây, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông D là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử nhận định: Bà H cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, nên thường xuyên cãi vã. Ông D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên không có căn cứ xem xét; qua lời trình bày của bà H, Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn giữa bà H và ông D đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện ông bà đã sống ly thân, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do đó, việc bà H yêu cầu ly hôn với ông D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Bà H yêu cầu nuôi con chung tên Nguyễn Phúc T, sinh ngày 15-12-2020, hiện đang sống với bà H. Xét con chung dưới 36 tháng tuổi, từ khi bà H và ông D sống ly thân, con chung do bà H nuôi dưỡng. Ông D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không tranh chấp về quyền nuôi con chung. Vì vậy, nên giao con chung cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con, bà H yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 745.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét bà H yêu cầu mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật, nên buộc ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 745.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp quy định tại các Điều 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Về chia tài sản chung và nợ chung: bà H trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy:

[8.1] Bà H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Bà H đã nộp đủ án phí.

[8.2] Ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, các Điều 51, 81, 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Bà Dương Thị Tuyết H được ly hôn với ông Nguyễn Hợp D.

2. Về nuôi con chung: Bà Dương Thị Tuyết H được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Phúc T, sinh ngày 15-12-2020 - hiện con chung đang sống với bà H. Ông Nguyễn Hợp D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 745.000 đồng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông D được quyền tới lui thăm nom và chăm sóc con chung, khi cần thiết vì lợi ích con chung, bà H và ông D có quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con và yêu cầu thay đổi khoản cấp dưỡng nuôi con theo luật hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thị Tuyết H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu số 0005025 ngày 22-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Bà H đã nộp đủ tiền án phí.

Ông Nguyễn Hợp D có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- CC. THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Quý Tây, huyện Đức Huệ (để ghi sổ hộ tịch)
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

Trần Thị Gái